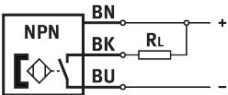


Cảm biến tiệm cận  
SDBT-MSB-1L-NÜ-K-2-LE  
Số bộ phận: 8150172

FESTO



Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Thiết kế                              | cho khe chữ T                                          |
| Tuân theo tiêu chuẩn                  | EN 60947-5-2                                           |
| Giấy phép                             | Dấu RCM                                                |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU    |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS  |
| Dấu hiệu KC                           | KC-EMV                                                 |
| Tính chất đặc biệt                    | Chống dầu                                              |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS<br>không chứa halogen<br>không chứa đồng |
| Kích thước đo                         | Vị trí                                                 |
| Nguyên tắc đo lường                   | từ điện trở                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -20 °C...70 °C                                         |
| Độ chính xác lặp lại                  | 0.2 mm                                                 |
| Đầu ra chuyển mạch                    | NPN                                                    |
| Chức năng phần tử chuyển mạch         | Cơ cấu đóng                                            |
| Thời gian bật                         | 2.5 ms                                                 |
| Thời gian tắt                         | 2.5 ms                                                 |
| Tần số chuyển mạch tối đa             | 480 Hz                                                 |
| Dòng điện đầu ra tối đa               | 100 mA                                                 |
| Hiệu suất chuyển mạch tối đa DC       | 3 W                                                    |
| Sụt áp                                | 0.5 V                                                  |
| Chống chịu ngắn mạch                  | không                                                  |
| Khả năng chống quá tải                | không có sẵn                                           |
| Điện áp vận hành đo DC                | 24 V                                                   |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 10 V...30 V                                            |
| Chống phân cực                        | cho tất cả các kết nối điện                            |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối         | Cáp                                                    |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối    | đầu mở                                                 |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây      | 3                                                      |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hướng ra cổng nối                                           | dọc theo                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Chiều dài cáp                                               | 2 m                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | Tiêu chuẩn thích hợp cho máng xích                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | PUR                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Vật liệu vỏ cách điện                                       | PP                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Đầu dây                                                     | cắt cùn                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Kiểu gắn                                                    | vặn chặt<br>có thể lắp vào rãnh từ phía trên                                                                                                                                                                                                                                          |
| Mô-men xoắn siết tối đa                                     | 0.3 N m                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Vị trí lắp đặt                                              | bất kì                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| trọng lượng sản phẩm                                        | 26.5 g                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Vật liệu vỏ                                                 | PC                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Vật liệu đai ốc ren                                         | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch                             | Đèn LED màu vàng                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -20 °C...70 °C                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP67<br>IP68<br>theo IEC 60529                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion                         | Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây. |
| Loại phòng sạch                                             | Loại 4 theo ISO 14644-1                                                                                                                                                                                                                                                               |